

BẢNG ĐIỂM THI TỐT NGHIỆP

Đợt thi: Tháng 06/2026

Môn thi: Lý thuyết chuyên môn

TT	SBD	Họ và tên	Ngày sinh	Điểm (L1)	Điểm (L2)	Điểm (L3)	Điểm (L4)	Lớp	Ghi chú
1	001	Trần Ngọc Tú	04/10/2002	5.90				CĐKS27N29	
2	002	Phan Phước Thịnh	25/12/2003	4.80	0.00	5.40		CĐKS28N11	
3	003	Trương Văn Thông	09/12/2002	3.30	4.90			CĐKS28N12	
4	004	Lê Thị Anh Thư	05/01/2003	3.90	4.40	5.90		CĐKS28N07	
5	005	Nguyễn Thị Hoàng Anh	16/01/2005	4.60	6.50			CĐKS30N05	
6	006	Huỳnh Phi Đạt	24/03/2005	0.00	5.80			CĐKS30N05	
7	007	Nguyễn Sỹ Kiên Đạt	23/11/2003	5.70				CĐKS29N14	
8	008	Thạch Đoàn Dương	25/12/2005	3.50				CĐKS30N04	
9	009	Nguyễn Ngọc Hân	25/12/2005	4.70	6.30			CDKS30N07	
10	010	Trần Thị Ngọc Hân	14/10/2005	4.10	5.50			CĐKS30N05	
11	011	Lê Nguyễn Thảo Hiền	19/10/2005	4.40	5.60			CĐKS30N03	
12	012	Trịnh Đức Việt Hoàng	17/12/2001	5.70				CĐKS29N12	
13	013	Nguyễn Gia Huệ	16/02/2005	4.40	5.50			CĐKS30N05	
14	014	Lê Quốc Hùng	11/11/2004	4.90	4.60	6.90		CĐKS29N08	
15	015	Nguyễn Trọng Huy	15/01/2005	4.30	5.00			CĐKS30N02	
16	016	Phạm Huỳnh Đoàn Kiệt	15/09/2004	2.60	3.50			CĐKS30N04	
17	017	Nguyễn Đăng Khải Luân	05/12/2005	4.30	5.00			CĐKS30N05	
18	018	Nguyễn Thị Ngọc Mai	04/09/2004	4.60	5.30			CDKS30N08	
19	019	Dương Ngọc Kim Ngân	04/05/2005	4.40	6.20			CDKS30N06	
20	020	Lâm Kiều Ngân	04/10/2004	4.20	5.90			CDKS30N06	
21	021	Nguyễn Thị Thanh Ngân	10/04/2004	3.80	4.60	3.10	5.70	CĐKS29N05	
22	022	Đình Hoàng Hồng Ngọc	02/05/2005	4.50	5.50			CDKS30N08	
23	023	Phan Việt Ngọc	12/04/2004	4.60	6.50			CĐKS30N04	
24	024	Trần Thị Kim Ngọc	10/04/2004	6.50				CĐKS29N03	
25	025	Hoàng Thị Nguyệt Nhi	16/01/2005	4.10	6.60			CĐKS30N04	
26	051	Võ Hà Ngọc Hân	20/01/2002	4.50	0.00			CĐKS27N27	
27	052	Bùi Thị Thanh Nhung	21/10/2002	4.50	5.60			CĐKS27N37	
28	026	Nguyễn Bình Yến Nhi	03/08/2004	4.40	4.20	6.70		CĐKS29N06	
29	027	Trần Huỳnh Thảo Nhi	14/07/2004	4.90	3.70	3.40		CĐKS29N05	
30	028	Trần Thị Tuyết Nhi	12/04/2005	4.30	7.70			CĐKS30N03	
31	029	Châu Lê Văn Phát	24/06/2004	6.50				CĐKS29N08	

TT	SBD	Họ và tên	Ngày sinh	Điểm (L1)	Điểm (L2)	Điểm (L3)	Điểm (L4)	Lớp	Ghi chú
32	030	Nguyễn Hoàng Phúc	27/11/2002	0.00				CĐKS30N04	
33	031	Trần Tịnh Chánh Phúc	27/11/2005	4.10	6.00			CĐKS30N04	
34	032	Lê Dương Trúc Phương	09/09/2005	6.60				CDKS30N08	
35	033	Phạm Ngọc Phương	10/12/2005	4.40	9.20			CĐKS30N03	
36	034	Trần Thị Hiền Phương	25/06/2005	4.50	6.00			CĐKS30N04	
37	035	Nguyễn Thị Tú Quyên	30/03/2005	4.00	7.50			CĐKS30N03	
38	036	Vũ Trần Nam Sơn	13/06/2005	4.50	6.30			CDKS30N07	
39	037	Lê Thành Tài	05/12/2005	4.60	7.00			CDKS30N08	
40	038	Huỳnh Lâm Anh Thư	03/08/2005	4.60	8.40			CDKS30N06	
41	039	Lê Anh Thư	05/09/2004	0.00	4.70	7.10		CĐKS29N08	
42	040	Lê Thị Minh Thư	30/08/2005	4.40	7.70			CĐKS30N03	
43	041	Nguyễn Lê Minh Tiến	29/09/2003	0.00				CĐKS29N05	
44	042	Nguyễn Thị Huyền Trang	06/10/2005	4.70	5.10			CDKS30N08	
45	043	Nguyễn Đặng Thanh Trúc	30/07/2005	4.70	5.20			CĐKS30N05	
46	044	Trần Hữu Trung	13/05/2004	4.90	4.70	6.10		CĐKS29N15	
47	045	Đỗ Thị Minh Tuyền	12/08/2003	4.10	7.80			CĐKS30N03	
48	046	Nguyễn Ngọc Thanh Tuyền	09/06/2005	4.20	5.90			CĐKS30N02	
49	047	Trần Thị Kim Tuyền	12/10/2003	0.00	6.80			CĐKS30N05	
50	048	Trần Văn Vũ	01/08/2005	3.80	5.10			CDKS30N07	
51	049	Đoàn Quốc Vũ	29/08/2002	6.80				CĐKS29N01	
52	050	Đặng Thanh Ngân	27/05/2005	5.60				CĐKS30N04	